

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 622/2018/DS-ST

Ngày: 20/11/2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng
góp vốn và vay tài sản ”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Tuyết Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1./ Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng

2./ Ông Trần Phú Nhuận

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:

- Bà Trà Thị Thúy Diễm - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 10.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thế Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10 số 27 đường Thành Thái, Phường 14 Quận 10 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp vốn và vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 237/2018/QĐST-DS ngày 29 tháng 9 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 162/QĐST-DS ngày 23/10/2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1955 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Xã A, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ cư trú: Phường C, Quận D, Tp.Hồ Chí Minh

- **Bị đơn:** Bà Võ Thị T, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Đường E, Phường G, Quận H, Tp Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/5/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Ngày 20/11/2015 bà T mượn 24.300.000 đồng, hẹn ngày 20/02/2015 trả nợ.

Ngày 06/01/2015 Bà T mượn 13.000.000 đồng, không ghi thời hạn trả nợ.

Ngoài ra ngày 21/01/2015 bà T rủ ông Đ và ông N mỗi người góp 40.000.000 đồng đưa cho bà T để bà T làm đại diện ký hợp đồng thuê bãi giữ xe với công ty TNHH Xây dựng N, số Đường M, Quận N, thành phố Hồ Chí Minh. Thỏa thuận lời hoặc lỗ tất cả đều chia cho 3 người bằng nhau. Nhưng bà T không thực hiện việc giao mặt bằng giữ xe và tiền bà không chịu trả lại. Tại Tòa ông Đ yêu cầu bà T trả cho ông số tiền mượn là 37.300.000 đồng và tiền góp vốn ký hợp đồng giữ xe là 40.000.000 đồng. Yêu cầu trả toàn bộ số tiền nợ một lần khi án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bị đơn bà Võ Thị T không ghi được lời khai; theo kết quả xác minh ngày 19/7/2016 của công an Phường 1, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh thì bà T không thường xuyên thực tế cư trú tại địa phương, bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa để tham gia tố tụng và phiên tòa xét xử, nhưng vẫn vắng mặt.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thực hiện thủ tục xét xử vắng mặt đối với bị đơn đúng quy định.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu bị đơn bà Võ Thị T trả số tiền mượn và tiền góp vốn nên xác định đây là quan hệ pháp luật dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp vốn”. Vụ án có bị đơn cư trú tại Quận 10 nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10.

Xét bị đơn được tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên Tòa và giấy triệu tập xét xử lần 02 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bà T.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng Dân sự về nghĩa vụ chứng minh của đương sự. Nhận thấy trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa đã tổng đạt cho bà đầy đủ các thủ tục tố tụng nhưng bà T vẫn không đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết vụ án theo yêu cầu của nguyên đơn. Cụ thể:

Căn cứ vào chứng cứ của ông Đ cung cấp cho Tòa, thể hiện:

Ngày 20/11/2015 bà T mượn 24.300.000 đồng, hẹn ngày 20/02/2015 trả nợ.

Ngày 06/01/2015 Bà T mượn 13.000.000 đồng, không ghi thời hạn trả nợ.

Các Giấy vay tiền đều có chữ ký của bà T.

Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở xác nhận bà T có vay mượn tiền của ông Đ, tổng số tiền là 37.300.000 đồng. Nên chấp nhận yêu cầu của ông Đ đối với yêu cầu buộc bà T trả số tiền nợ 37.300.000 đồng.

Căn cứ Hợp đồng thỏa thuận ngày 21/01/2015 thể hiện ông Đ đã góp số tiền vốn là 40.000.000 đồng cho bà T để bà T đại diện pháp nhân ký hợp đồng thuê làm bãi giữ xe với công ty TNHH Xây dựng Đại Dũng. Nên yêu cầu được nhận lại số tiền góp vốn 40.000.000 đồng của ông Đ có cơ sở, được chấp nhận giải quyết.

Do thời gian nợ quá lâu ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ nên bà T có trách nhiệm trả cho ông Đ toàn bộ số tiền nợ một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với số tiền lãi do ông Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí trên yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39; 147; 227 và 273 của Bộ luật Tố Tụng Dân Sự;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ.

Buộc bị đơn bà Võ Thị T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền nợ là 37.300.000 đồng (Ba mươi bảy triệu ba trăm ngàn đồng) và tiền góp vốn là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), tổng cộng 77.300.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu ba trăm ngàn đồng). Thi hành việc trả nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu của bên được thi hành, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành số tiền phải thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 3.865.000 đồng (Ba triệu tám trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) bà Võ Thị T phải chịu. Ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AE/2014/0000013 ngày 03/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM,
- VKSND Q.10,
- Chi cục THADS Q.10,
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Tuyết Hải